TOÀ ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN THÁI THỤY** **TỈNH THÁI BÌNH**	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 14/2020/HNGĐ-ST
Ngày 05/5/2020
V/v: Xin ly hôn T - D

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN THÁI THỤY, TỈNH THÁI BÌNH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà: Bà Đào Thị Xuân Quỳnh

Các Hội thẩm nhân dân: Bà Vũ Thị Thúy và ông Phan Văn Tiến

- Thư ký phiên toà: Bà Lê Nhật Khánh - Thư ký Toà án nhân dân huyện Thái Thụy, tỉnh Thái Bình.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Thái Thụy tham gia phiên tòa: Bà Phạm Thị Thanh Hải - Kiểm sát viên.

Trong ngày 05 tháng 5 năm 2020, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Thái Thụy, tỉnh Thái Bình xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân gia đình thụ lý số 40/2020/TLST-HNGĐ ngày 17 tháng 02 năm 2020 về việc xin ly hôn, tranh chấp nuôi con chung khi ly hôn. Theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số 14/2020/QĐXXST-HNGĐ ngày 06 tháng 4 năm 2020 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Chị **Phạm Thị T**, sinh năm 1981; ĐKHK: Thôn A, xã N, huyện T, tỉnh Thái Bình; Nơi cư trú: Thôn R, xã X, huyện Q, tỉnh Thái Bình.

- Bị đơn: Anh **Lê Thanh D**, sinh năm 1979; Địa chỉ: Thôn A, xã N, huyện T, tỉnh Thái Bình.

(Chị T và anh D đều có đơn xin xét xử vắng mặt tại phiên tòa)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện đề ngày 10/02/2020 quá trình làm việc tại Tòa án, nguyên đơn chị Phạm Thị T trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Chị và anh Lê Thanh D kết hôn trên cơ sở tự nguyện tìm hiểu, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã N, huyện T, tỉnh Thái Bình ngày 19/01/2009. Sau khi kết hôn vợ chồng chung sống hạnh phúc được 8 năm thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân mâu thuẫn do anh D thường xuyên rượu chè, không tu chí làm ăn và có hành vi bạo lực gia đình đối với chị. Chị đã nhiều lần khuyên bảo và cho anh D nhiều cơ hội để sửa chữa nhưng anh D không thay đổi. Chị đã chuyển về nhà bố mẹ đẻ ở xã X, huyện Q, tỉnh Thái Bình ở hơn một năm nay, vợ chồng sống ly thân từ đó đến nay không còn quan tâm đến nhau. Đến nay, chị T xác định tình cảm vợ chồng không còn, vợ chồng không thể đoàn tụ, chị đề nghị Tòa án nhân dân huyện Thái Thụy giải quyết cho chị được ly hôn anh D.

Về con chung: Chị và anh D có một con chung Lê A, sinh ngày 15/10/2008, hiện cháu đang ở cùng anh D. Ly hôn, chị đề nghị giao con cho cháu A cho anh D nuôi dưỡng do chị tôn trọng nguyện vọng của con chung, chị T sẽ cấp dưỡng nuôi con chung

theo quy định của pháp luật. Tại đơn trình bày ngày 26/02/2020 chị T trình bày bổ sung, nếu anh D yêu cầu chị cấp dưỡng nuôi con chung 1.500.000đ/tháng chị cũng nhất trí.

Về quan hệ tài sản chung, nợ chung: Anh chị không có tài sản chung, không có nợ chung nên chị T không yêu cầu Tòa án giải quyết về tài sản.

Vì lý do công việc nên chị T có đơn xin vắng mặt tại phiên tòa xét xử sơ thẩm.

Theo bản tự khai và đơn trình bày đề ngày 20/02/2020, bị đơn – anh Lê Thanh D trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Anh D xác nhận thời gian, điều kiện và hoàn cảnh kết hôn như chị T trình bày là đúng. Sau khi kết hôn, vợ chồng chung sống khoảng 8 năm thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân do vợ chồng tính tình không hợp, bất đồng quan điểm về sinh hoạt và khác biệt quá lớn về cách sống nên không cùng suy nghĩ với nhau, vợ chồng thường xuyên cãi vã dẫn đến cuộc sống chung không có hạnh phúc. Tại đơn khởi kiện, chị T trình bày do anh thường xuyên rượu chè, không tu chí làm ăn là không đúng. Trong thời gian chung sống, chị T đi xuất khẩu lao động tại Nga, hàng tháng kiếm tiền không gửi về gia đình được đồng nào, cũng không hỏi han con chung của hai vợ chồng, sau khi chị T đi xuất khẩu lao động ở Nga về tay trắng, vợ chồng có bao nhiêu tiền chị T đã lấy hết. Anh phải một mình lao động nuôi con rất vất vả nhưng chị T không hề có trách nhiệm với gia đình, không hề thực hiện đúng chức năng của một người vợ, người mẹ. Vợ chồng anh chị đã ly thân hơn 1 năm nay. Nay anh thấy tình cảm vợ chồng không còn, mục đích hôn nhân không đạt được, chị T làm đơn xin ly hôn tại Tòa án nhân dân huyện Thái Thụy, anh cũng nhất trí và đề nghị Tòa án giải quyết cho anh chị được ly hôn. Vì lý do gia đình, anh đã nhận được các văn bản của Tòa án tống đạt và cũng được chị T thông báo về việc ly hôn nhưng anh đang phải chăm mẹ đẻ ốm nặng nên không thể đến Tòa án làm việc, anh đề nghị Tòa án nhân dân huyện Thái Thụy giải quyết cho anh được vắng mặt tại các buổi làm việc tại Tòa án và các phiên tòa xét xử sơ thẩm.

Về con chung: Anh chị có 01 con chung như chị T trình bày, cháu A được sinh ra trước khi anh chị thực hiện việc đăng ký kết hôn tại UBND xã N nhưng anh chị đều thừa nhận đây là con chung, do năm 2008 anh D và chị T đã thực hiện thủ tục cưới hỏi, vợ chồng làm việc và sinh cháu A ở thành phố Hồ Chí Minh nhưng chưa đăng ký kết hôn, trong giấy khai sinh cũng thể hiện là anh D và chị T là bố mẹ đẻ của cháu. Đến khi vợ chồng anh trở về Thái Bình lao động và sinh sống mới thực hiện việc đăng ký kết hôn tại UBND xã N và đăng ký khai sinh cho cháu. Hiện cháu A đang ở với anh, anh nuôi cháu từ bé đến thời điểm hiện tại, do chị T đi xuất khẩu lao động tại Nga không hề quan tâm, lo lắng để ý chăm sóc cháu. Ly hôn anh D đề nghị giao cháu A cho anh trực tiếp nuôi dưỡng và yêu cầu chị T cấp dưỡng nuôi con một tháng là 1.500.000đ cho đến khi con chung tròn 18 tuổi.

Về quan hệ tài sản chung, nợ chung: Anh chị không có tài sản chung, không có nợ chung nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Thái Thụy phát biểu quan điểm tại phiên tòa: Quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán, Hội đồng xét xử và việc chấp hành pháp luật của các đương sự đều tuân thủ theo đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Về nội dung vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng các điều Điều 51, Điều 56, 81, 82, 83, 84 Luật hôn nhân gia đình xử cho chị Phạm Thị T được ly hôn anh Lê Thanh D; Về quan hệ con chung: Giao con chung Lê A, sinh ngày 15/10/2008 cho anh D trực tiếp chăm sóc và nuôi dưỡng, chị T cấp dưỡng nuôi con chung 1.500.000đ/tháng cho đến khi con chung tròn 18 tuổi. Chị T có quyền thăm nom, chăm sóc, giáo dục con chung. Việc thay đổi người trực tiếp nuôi con và mức cấp dưỡng nuôi con được đặt ra khi các đương sự có yêu cầu theo quy định của pháp luật; Về quan hệ tài sản chung, nợ chung: Chị T không yêu cầu nên Tòa án không đặt ra giải quyết. Chị T phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm và án phí cấp dưỡng nuôi con chung theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về thẩm quyền: Bị đơn đăng ký hộ khẩu thường trú tại xã N, huyện Thái Thụy, tỉnh Thái Bình, hiện nay anh D đang sinh sống và lao động tại địa phương, trong quá trình giải quyết vụ án bị đơn không thay đổi nơi cư trú vì vậy đây là vụ án tranh chấp hôn nhân gia đình thuộc thẩm quyền giải quyết giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Thái Thụy theo quy định tại Điều 28, 35, 39 Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Về tố tụng: Quá trình giải quyết vụ án, chị Phạm Thị T và anh Lê Thanh D đều có đơn xin xét xử vắng mặt, căn cứ khoản 1 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự xét xử vắng mặt các bên đương sự.

[3] Về quan hệ hôn nhân: Chị T và anh D kết hôn trên cơ sở tự nguyện tìm hiểu, đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã N, huyện T, tỉnh Thái Bình và được cấp giấy chứng nhận đăng ký kết hôn số 05 ngày 19/01/2009. Tại thời điểm kết hôn, anh chị đủ điều kiện kết hôn, là hôn nhân hợp pháp. Sau khi kết hôn, vợ chồng chung sống được 08 năm thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn do vợ chồng tính tình không hợp, bất đồng quan điểm về sinh hoạt và khác biệt quá lớn về cách sống nên không cùng suy nghĩ với nhau, vợ chồng thường xuyên cãi vã dẫn đến cuộc sống chung không có hạnh phúc. Chị T cho rằng do anh D thường xuyên rượu chè, không tu chí làm ăn và có hành vi bạo lực gia đình đối với chị còn anh D thì xác định chị T đi xuất khẩu lao động tại Nga, hàng tháng kiếm tiền không gửi về gia đình được đồng nào, cũng không hỏi han con chung của hai vợ chồng, sau khi chị T đi xuất khẩu lao động ở Nga về tay trắng, vợ chồng có bao nhiêu tiền chị T đã lấy hết. Anh phải một mình lao động nuôi con rất vất vả nhưng chị T không hề có trách nhiệm với gia đình, không hề thực hiện đúng chức năng của một người vợ, người mẹ. Mâu thuẫn trở nên trầm trọng và vợ chồng đã sống ly thân hơn một năm nay, chị T đã chuyển về nhà mẹ đẻ ở xã Quỳnh Xá, huyện Quỳnh Phụ sinh sống, từ đó đến nay không hỏi han đến nhau cũng không có biện pháp gì để hàn gắn quan hệ hôn nhân. Hiện nay, cả hai đã sống ly thân, không còn quan tâm đến nhau nữa. Quá trình giải quyết vụ án, anh D cũng xác định tình cảm vợ chồng không còn, chị T xin ly hôn anh cũng nhất trí và đề

nghị Tòa án giải quyết cho anh chị được ly hôn. Như vậy, Hội đồng xét xử xác định mâu thuẫn vợ chồng giữa chị T và anh D đã ở mức trầm trọng, đời sống hôn nhân không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được, cần xử cho chị T được ly hôn anh D là phù hợp với thực tế và quy định tại điều 51, 53 và 56 Luật hôn nhân gia đình.

[4] Về quan hệ con chung: Cháu Lê A, sinh ngày 15/10/2008 được sinh ra trước khi anh D và chị T thực hiện việc đăng ký kết hôn nhưng cả anh D và chị T đều thừa nhận cháu A là con chung của hai anh chị và trên giấy khai sinh cũng thể hiện anh Lê Thanh D là bố đẻ và chị Phạm Thị T là mẹ đẻ của cháu Lê A. Hội đồng xét xử xác định chị T và anh D có một con chung là Lê A, sinh ngày 15/10/2008, hiện cháu đang ở cùng anh D. Ly hôn anh D có nguyện vọng được tiếp tục trực tiếp nuôi dưỡng cháu A và yêu cầu chị T cấp dưỡng 1.500.000đ/tháng cho đến khi con chung tròn 18 tuổi. Cháu A cũng có đơn xin ở với bố và chị T nhất trí, tôn trọng nguyện vọng của con chung. Xét nguyện vọng của các đương sự trong vụ án cũng như để đảm bảo quyền lợi và sự phát triển mọi mặt của cháu A, căn cứ vào các Điều 81, 82, 83, 84 Luật Hôn nhân và gia đình, Hội đồng xét xử thấy cần xử giao con chung Lê A cho anh D trực tiếp nuôi dưỡng và chị T cấp dưỡng nuôi con chung 1.500.000đ/tháng kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật cho đến khi con chung trưởng thành. Chị T có quyền thăm nom, chăm sóc, giáo dục con chung. Việc thay đổi người trực tiếp nuôi con và mức cấp dưỡng nuôi con được đặt ra khi các đương sự có yêu cầu theo quy định của pháp luật.

[5] Về quan hệ tài sản chung, nợ chung: Chị T và anh D đều xác định không yêu cầu giải quyết về tài sản, do đó Hội đồng xét xử không đặt ra giải quyết về quan hệ tài sản.

[6] Về án phí: Chị T phải chịu toàn bộ án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm và án phí cấp dưỡng nuôi con theo quy định của pháp luật.

[7] Về quyền kháng cáo: Chị T và anh D có quyền kháng cáo bản án theo quy định của pháp luật tại điều 271, 273 Bộ luật tố tụng dân sự.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 51, khoản 1 Điều 56, các Điều 81, 82, 83, 84 Luật hôn nhân và gia đình; Khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39; khoản 4 Điều 147, Điều 238, Điều 271, 273 Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 27 Nghị Quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về án phí và lệ phí Tòa án;

1. Về quan hệ hôn nhân: Xử cho chị Phạm Thị T được ly hôn anh Lê Thanh D.

2. Về con chung: Giao cho anh Lê Thanh D trực tiếp nuôi dưỡng con chung là Lê A, sinh ngày 15/10/2008, chị T cấp dưỡng nuôi con chung 1.500.000đ/tháng kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật cho đến khi con chung trưởng thành. Các đương sự có quyền và nghĩa vụ trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung mà không ai được cản trở, có quyền yêu cầu thay đổi người trực tiếp nuôi con chung, yêu cầu thay đổi mức cấp dưỡng cho con chung theo quy định của pháp luật.

3. Về tài sản chung: Không đặt ra giải quyết.

4. Về án phí: Chị Phạm Thị T phải chịu 300.000đ án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm và 300.000đ án phí của người có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con, chuyển số tiền 300.000đ chị T đã nộp tại biên lai thu tiền tạm ứng án phí số 0002126 ngày

17/02/2020 tại Chi cục thi hành án dân sự huyện Thái Thụy sang thi hành án phí, chị T còn phải thi hành 300.000đ.

5. Về quyền kháng cáo: Các đương sự có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc được tống đạt hợp lệ theo quy định của pháp luật.

Nơi nhận:
- *Các đương sự*
- *VKSND huyện Thái Thụy;*
- *VKSND tỉnh Thái Bình;*
- *TAND tỉnh Thái Bình;*
- *Chi cục THADS huyện Thái Thụy;*
- *UBND xã N;*
- *Lưu HCT;*
- *Lưu hồ sơ vụ án.*

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Đào Thị Xuân Quỳnh

THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG XÉT XỬ **THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Đào Thị Xuân Quỳnh